



**NGÂN HÀNG NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN  
NÔNG THÔN VIỆT NAM**

Báo cáo tài chính riêng tóm tắt giữa niên độ  
cho kỳ sáu tháng kết thúc  
ngày 30 tháng 6 năm 2022



**Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam**  
**Thông tin về Ngân hàng**

**Giấy phép Thành lập  
và Hoạt động Ngân  
hàng thương mại số**

24/GP-NHNN

ngày 26 tháng 05 năm 2021

Giấy phép Thành lập và Hoạt động Ngân hàng được Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp thay thế cho Quyết định Thành lập số QĐ 280/QĐ-NHNN ngày 15 tháng 10 năm 1996. Thời hạn hoạt động của Ngân hàng là 99 năm từ ngày 15 tháng 10 năm 1996.

**Giấy Chứng nhận**

**Đăng ký Kinh doanh số** 0100686174

ngày 26 tháng 04 năm 2012

**Hội đồng Thành viên**

Ông Phạm Đức Ân  
Ông Tiết Văn Thành  
Ông Phạm Hoàng Đức  
  
Ông Nguyễn Minh Trí  
Ông Nguyễn Văn Minh  
Ông Nguyễn Việt Mạnh  
Ông Hồ Văn Sơn  
Bà Nguyễn Tuyết Dương  
Bà Đỗ Thị Nhân

Chủ tịch  
Thành viên  
Thành viên  
*(đến ngày 1 tháng 6 năm 2022)*  
Thành viên  
Thành viên  
Thành viên  
Thành viên  
Thành viên  
Thành viên

**Ban Kiểm soát**

Ông Trần Trọng Dương  
Ông Nguyễn Bách Dương  
Ông Bùi Hồng Quảng  
Ông Hoàng Văn Thắng

Trưởng Ban Kiểm soát  
Thành viên chuyên trách  
Thành viên chuyên trách  
Thành viên chuyên trách

**Ban Tổng Giám đốc  
và Kế toán trưởng**

Ông Tiết Văn Thành  
Bà Nguyễn Thị Phương  
Ông Nguyễn Hải Long  
Ông Nguyễn Minh Phương  
Ông Phạm Toàn Vượng  
Ông Phạm Đức Tuấn  
Ông Tô Đình Tôn  
Ông Lê Xuân Trung  
Ông Trần Văn Dự  
Ông Phùng Văn Hưng Quang

Tổng Giám đốc  
Phó Tổng Giám đốc  
Phó Tổng Giám đốc  
Phó Tổng Giám đốc  
Phó Tổng Giám đốc  
Phó Tổng Giám đốc  
Phó Tổng giám đốc  
Phó Tổng Giám đốc  
Phó Tổng Giám đốc  
Kế toán trưởng

**Trụ sở đăng ký**

Số 2 Láng Hạ, Phường Thành Công, Quận Ba Đình  
Thành phố Hà Nội  
Việt Nam

**Công ty kiểm toán**

Công ty TNHH KPMG Việt Nam 

120  
1  
JG  
IEM  
TM  
M



KPMG Limited  
46<sup>th</sup> Floor, Keangnam Landmark 72  
E6 Pham Hung Road, Me Tri Ward  
South Tu Liem District, Hanoi, Vietnam  
+84 (24) 3946 1600 | kpmg.com.vn

## **BÁO CÁO SOÁT XÉT CỦA KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP VỀ THÔNG TIN TÀI CHÍNH RIÊNG TÓM TẮT GIỮA NIÊN ĐỘ**

**Kính gửi Hội đồng Thành viên và Ban Tổng Giám đốc  
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam**

Báo cáo tài chính riêng tóm tắt đính kèm, được lập ngày 20 tháng 7 năm 2022, bao gồm báo cáo tình hình tài chính riêng tóm tắt tại ngày 30 tháng 6 năm 2022, báo cáo kết quả hoạt động riêng tóm tắt và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng tóm tắt cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày, được trích từ báo cáo tài chính riêng (đầy đủ) cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam ("Ngân hàng") đã được soát xét. Chúng tôi đã đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần đối với báo cáo tài chính riêng (đầy đủ) trong báo cáo soát xét phát hành ngày 29 tháng 7 năm 2022.

Báo cáo tài chính riêng tóm tắt không bao gồm tất cả các thuyết minh cần phải công bố theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam áp dụng cho các Tổ chức tín dụng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Do đó, việc đọc báo cáo tài chính tóm tắt riêng giữa niên độ không thể thay thế cho việc đọc báo cáo tài chính riêng (đầy đủ) của Ngân hàng.

### **Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Ngân hàng chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng tóm tắt giữa niên độ theo các nguyên tắc về việc lập và trình bày báo cáo tài chính tóm tắt được chấp nhận chung tại Việt Nam.

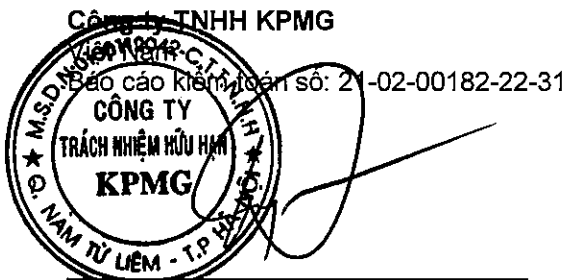
### **Trách nhiệm của kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng tóm tắt giữa niên độ dựa trên các thủ tục mà chúng tôi đã thực hiện theo quy định và hướng dẫn của Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam số 810 – "*Dịch vụ báo cáo về báo cáo tài chính tóm tắt*" có thể áp dụng đối với dịch vụ soát xét thông tin tài chính.



## Kết luận của kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính riêng tóm tắt giữa niên độ được trích từ báo cáo tài chính riêng giữa niên độ (đầy đủ) đã được soát xét cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 của Ngân hàng đã không phản ánh nhất quán, trên các khía cạnh trọng yếu, với báo cáo tài chính riêng (đầy đủ) giữa niên độ đã được soát xét, phù hợp với các thông lệ về việc lập và trình bày báo cáo tài chính tóm tắt được chấp nhận chung tại Việt Nam.



Wang Toon Kim  
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề  
Kiểm toán số 0557-2018-007-1  
Phó Tổng Giám đốc

Hà Nội, 29-07-2022

Trần Đình Vinh  
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề  
Kiểm toán số 0339-2018-007-1

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH RIÊNG TÓM TẮT  
TẠI NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2022**

	30/6/2022 Triệu VND	31/12/2021 Triệu VND
<b>A TÀI SẢN</b>		
<b>I Tiền mặt và vàng</b>	<b>19.334.613</b>	<b>19.211.989</b>
<b>II Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (“NHNNVN”)</b>	<b>32.981.950</b>	<b>148.144.147</b>
<b>III Tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng (“TCTD”) khác</b>	<b>193.873.661</b>	<b>154.564.485</b>
1 Tiền gửi tại các TCTD khác	162.381.040	93.605.137
2 Cho vay các TCTD khác	31.515.621	60.990.348
3 Dự phòng rủi ro tiền gửi và cho vay các TCTD khác	(23.000)	(31.000)
<b>IV Chứng khoán kinh doanh</b>	<b>36</b>	<b>36</b>
1 Chứng khoán kinh doanh	291	291
2 Dự phòng rủi ro chứng khoán kinh doanh	(255)	(255)
<b>V Các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác</b>	<b>75.684</b>	<b>52.610</b>
<b>VI Cho vay khách hàng</b>	<b>1.352.731.493</b>	<b>1.280.170.715</b>
1 Cho vay khách hàng	1.391.151.725	1.314.194.639
2 Dự phòng rủi ro cho vay khách hàng	(38.420.232)	(34.023.924)
<b>VIII Chứng khoán đầu tư</b>	<b>139.385.446</b>	<b>62.054.581</b>
1 Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán	135.676.149	58.345.284
2 Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn	3.759.684	3.759.684
3 Dự phòng rủi ro chứng khoán đầu tư	(50.387)	(50.387)
<b>IX Góp vốn, đầu tư dài hạn</b>	<b>1.791.805</b>	<b>1.791.805</b>
1 Đầu tư vào công ty con	2.231.508	2.231.508
4 Góp vốn, đầu tư dài hạn khác	26.800	26.800
5 Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	(466.503)	(466.503)



Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam  
Số 2 Láng Hạ, Phường Thành Công, Quận Ba Đình  
Thành phố Hà Nội, Việt Nam  
Báo cáo tình hình tài chính riêng tóm tắt tại ngày 30 tháng 6 năm 2022  
(tiếp theo)

	30/6/2022 Triệu VND	31/12/2021 Triệu VND
<b>X Tài sản cố định (“TSCĐ”)</b>	<b>9.561.691</b>	<b>10.103.777</b>
1 Tài sản cố định hữu hình	7.517.469	8.017.989
<i>a Nguyên giá</i>	21.136.457	20.952.318
<i>b Hao mòn TSCĐ</i>	(13.618.988)	(12.934.329)
2 Tài sản cố định thuê tài chính	899	1.101
<i>a Nguyên giá</i>	22.458	23.437
<i>b Hao mòn TSCĐ</i>	(21.559)	(22.336)
3 Tài sản cố định vô hình	2.043.323	2.084.687
<i>a Nguyên giá</i>	3.462.900	3.462.618
<i>b Hao mòn TSCĐ</i>	(1.419.577)	(1.377.931)
<b>XII Tài sản Có khác</b>	<b>19.440.319</b>	<b>18.137.377</b>
1 Các khoản phải thu	8.617.809	7.768.319
2 Các khoản lãi, phí phải thu	10.996.952	9.460.389
4 Tài sản Có khác	1.106.661	2.189.772
5 Các khoản dự phòng rủi ro cho các tài sản Có nội bảng khác	(1.281.103)	(1.281.103)
<b>TỔNG TÀI SẢN</b>	<b>1.769.176.698</b>	<b>1.694.231.522</b>

Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam  
Số 2 Láng Hạ, Phường Thành Công, Quận Ba Đình  
Thành phố Hà Nội, Việt Nam  
Báo cáo tình hình tài chính riêng tóm tắt tại ngày 30 tháng 6 năm 2022  
(tiếp theo)

	30/6/2022 Triệu VND	31/12/2021 Triệu VND
<b>B NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		
<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>		
<b>I Các khoản nợ Chính phủ và NHNNVN</b>	<b>1.409.165</b>	<b>1.417.170</b>
<b>II Tiền gửi và vay các TCTD khác</b>	<b>18.055.438</b>	<b>3.239.399</b>
1 Tiền gửi của các TCTD khác	17.649.415	2.787.189
2 Vay các TCTD khác	406.023	452.210
<b>III Tiền gửi của khách hàng</b>	<b>1.593.588.315</b>	<b>1.545.474.063</b>
<b>V Vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay TCTD chịu rủi ro</b>	<b>5.684.329</b>	<b>5.788.025</b>
<b>VI Phát hành giấy tờ có giá</b>	<b>29.899.062</b>	<b>28.560.772</b>
<b>VII Các khoản nợ khác</b>	<b>37.078.018</b>	<b>35.908.649</b>
1 Các khoản lãi, phí phải trả	24.567.632	24.865.617
2 Thuế TNDN hoãn lại phải trả	1.453	1.418
3 Các khoản phải trả và công nợ khác	12.508.933	11.041.614
<b>TỔNG NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>1.685.714.327</b>	<b>1.620.388.078</b>
<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		
<b>VII Vốn và các quỹ</b>	<b>83.462.371</b>	<b>73.843.444</b>
1 Vốn	34.556.727	34.533.627
a Vốn điều lệ	34.351.493	34.328.393
g Vốn khác	205.234	205.234
2 Các quỹ của TCTD	30.659.465	30.659.465
3 Chênh lệch tỷ giá hối đoái	688.055	-
5 Lợi nhuận chưa phân phối	17.558.124	8.650.352
<b>TỔNG VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>83.462.371</b>	<b>73.843.444</b>
<b>TỔNG NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>1.769.176.698</b>	<b>1.694.231.522</b>

30/6/2022  
Triệu VND

31/12/2021  
Triệu VND

## CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

### I NGHĨA VỤ NỢ TIỀM ẨN VÀ CÁC CAM KẾT KHÁC

1	Bảo lãnh vay vốn	85.023	116.981
2	Cam kết giao dịch hối đoái	87.717.404	8.894.179
	<i>Cam kết mua ngoại tệ</i>	118.245	325.082
	<i>Cam kết bán ngoại tệ</i>	666.630	398.804
	<i>Cam kết giao dịch hoán đổi</i>	86.932.529	8.170.293
4	Cam kết trong nghiệp vụ L/C	3.511.641	3.334.348
5	Bảo lãnh khác	16.356.991	18.978.614
6	Cam kết khác	169.684	169.684
7	Lãi cho vay và phí phải thu chưa thu được	18.784.413	17.420.996
8	Nợ khó đòi đã xử lý	162.347.934	206.834.873
9	Tài sản và chứng từ khác	2.563.872	2.518.421

Ngày 20 tháng 7 năm 2022

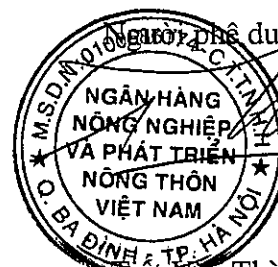
Người lập:

Nguyễn Văn Chất  
Trưởng ban  
Ban Tài chính - Kế toán

Kế toán trưởng:

Phùng Văn Hưng Quang  
Kế toán trưởng

Người phê duyệt:



Nguyễn Văn Thành  
Tổng Giám đốc



**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG RIÊNG TÓM TẮT CHO  
KỲ SÁU THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2022**

		Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/06/2022 Triệu VND	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/06/2021 Triệu VND
1	Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự	59.846.403	57.149.274
2	Chi phí lãi và các chi phí tương tự	(31.992.082)	(31.176.167)
<b>I</b>	<b>Thu nhập lãi thuần</b>	<b>27.854.321</b>	<b>25.973.107</b>
3	Thu nhập từ hoạt động dịch vụ	3.527.513	3.637.563
4	Chi phí hoạt động dịch vụ	(1.199.468)	(1.110.338)
<b>II</b>	<b>Lãi thuần từ hoạt động dịch vụ</b>	<b>2.328.045</b>	<b>2.527.225</b>
<b>III</b>	<b>Lãi thuần từ hoạt động kinh doanh vàng và ngoại hối</b>	<b>565.278</b>	<b>758.626</b>
<b>V</b>	<b>Lãi thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư</b>	<b>-</b>	<b>20.763</b>
5	Thu nhập từ hoạt động khác	6.616.340	4.680.996
6	Chi phí hoạt động khác	(392.609)	(387.117)
<b>VI</b>	<b>Lãi thuần từ hoạt động khác</b>	<b>6.223.731</b>	<b>4.293.879</b>
<b>VII</b>	<b>Thu nhập từ góp vốn, mua cổ phần</b>	<b>44.771</b>	<b>7.800</b>
<b>VIII</b>	<b>Chi phí hoạt động</b>	<b>(14.440.353)</b>	<b>(11.466.716)</b>
<b>IX</b>	<b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trước chi phí dự phòng rủi ro tín dụng</b>	<b>22.575.793</b>	<b>22.114.684</b>
<b>X</b>	<b>Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng</b>	<b>(7.495.379)</b>	<b>(12.650.327)</b>
<b>XI</b>	<b>Tổng lợi nhuận trước thuế</b>	<b>15.080.414</b>	<b>9.464.357</b>
10	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	(3.007.285)	(1.891.221)
11	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	(35)	(279)
<b>XII</b>	<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>(3.007.320)</b>	<b>(1.891.500)</b>
<b>XIII</b>	<b>Lợi nhuận sau thuế</b>	<b>12.073.094</b>	<b>7.572.857</b>

Ngày 20 tháng 7 năm 2022

Người lập:



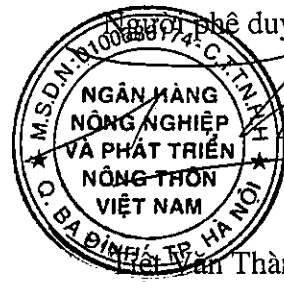
Nguyễn Văn Chất  
Trưởng ban  
Ban Tài chính - Kế toán

Kế toán trưởng:



Phùng Văn Hưng Quang  
Kế toán trưởng

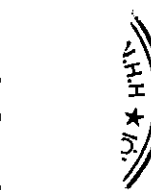
Người phê duyệt:



Trần Văn Thành  
Tổng Giám đốc

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG TÓM TẮT CHO KỶ SÁU THÁNG  
KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2022 (PHƯƠNG PHÁP TRỰC TIẾP)**

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/06/2022 Triệu VND	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/06/2021 Triệu VND
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>		
01 Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự nhận được	58.309.840	57.120.244
02 Chi phí lãi và các chi phí tương tự đã trả	(32.290.067)	(33.628.579)
03 Thu nhập thuần từ hoạt động dịch vụ nhận được	2.328.045	2.527.225
04 Chênh lệch số tiền thực thu từ hoạt động kinh doanh (ngoại tệ, vàng và chứng khoán)	565.278	758.664
05 Chi hoạt động khác	(333.473)	(380.937)
06 Tiền thu các khoản nợ đã được xử lý xóa, bù đắp bằng nguồn rủi ro	6.553.137	4.652.328
07 Tiền chi trả cho nhân viên và hoạt động quản lý, công vụ	(12.161.433)	(14.743.990)
08 Tiền thuế thu nhập doanh nghiệp thực nộp trong kỳ	(1.558.292)	(1.202.908)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi về tài sản và nợ hoạt động</b>	<b>21.413.035</b>	<b>15.102.047</b>
<b>Những thay đổi về tài sản hoạt động</b>		
09 (Tăng)/giảm các khoản tiền gửi và cho vay các TCTD khác	(9.064.528)	11.047.348
10 (Tăng)/giảm các khoản về kinh doanh chứng khoán	(77.330.865)	26.782.483
11 Tăng các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác	(23.074)	(191.323)
12 Tăng các khoản cho vay khách hàng	(76.957.086)	(19.426.902)
13 Giảm nguồn dự phòng để xử lý rủi ro, xử lý, bù đắp tồn thất các khoản	(3.107.071)	(4.457.569)
14 (Tăng)/giảm khác về tài sản hoạt động	(1.259.635)	2.869.321
<b>Những thay đổi về nợ hoạt động</b>		
15 Giảm các khoản nợ Chính phủ và NHNNVN	(8.005)	(2.620.342)
16 Tăng tiền gửi và vay từ các TCTD khác	14.816.039	317.916
17 Tăng tiền gửi của khách hàng	48.114.252	59.558.285
18 Tăng/(giảm) phát hành giấy tờ có giá (ngoại trừ giấy tờ có giá phát hành được tính vào hoạt động tài chính)	1.338.290	(3.551.389)
19 Giảm các nguồn vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay mà TCTD chịu rủi ro	(103.696)	(9.297)
20 Tăng/(giảm) khác về nợ hoạt động	264.778	(2.337.134)
<b>I LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>	<b>(81.907.566)</b>	<b>83.083.444</b>



Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam  
Số 2 Láng Hạ, Phường Thành Công, Quận Ba Đình  
Thành phố Hà Nội, Việt Nam  
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng tóm tắt cho kỳ sáu tháng  
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022  
(Phương pháp trực tiếp - tiếp theo)

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/06/2022 Triệu VND	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/06/2021 Triệu VND
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>		
01 Mua sắm tài sản cố định	(227.258)	(181.269)
02 Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	4.067	22.488
09 Tiền thu cổ tức và lợi nhuận được chia từ các khoản đầu tư, góp vốn dài hạn	44.771	7.800
<b>II LƯU CHUYỂN TIỀN THUẬN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>	<b>(178.420)</b>	<b>(150.981)</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>		
01 Tăng vốn điều lệ	23.100	3.523.100
04 Tạm ứng chuyển lợi nhuận về Ngân sách Nhà nước	(2.740.039)	(1.631.375)
<b>III LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>	<b>(2.716.939)</b>	<b>1.891.725</b>
<b>IV LƯU CHUYỂN TIỀN THUẬN TRONG KỲ</b>	<b>(84.802.925)</b>	<b>84.824.188</b>
<b>V TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN TẠI THỜI ĐIỂM ĐẦU KỲ</b>	<b>293.164.935</b>	<b>202.712.578</b>
<b>VII TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN TẠI THỜI ĐIỂM CUỐI KỲ</b>	<b>208.362.010</b>	<b>287.536.766</b>

Ngày 20 tháng 7 năm 2022

Người lập:



Nguyễn Văn Chất  
Trưởng ban  
Ban Tài chính - Kế toán

Kế toán trưởng:



Phùng Văn Hưng Quang  
Kế toán trưởng

Người phê duyệt:



Phan Thành  
Tổng Giám đốc

